**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II**

**MÔN:HÓA HỌC LỚP 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

1. **Trắc nghiệm: 28 câu – 7 điểm**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Mức độ** | | **Tổng** |
| **Biết** | **Hiểu** |  |
| **1** | Chủ đề  đại cương hóa hữu cơ  và hiđrocacbon no | Mở đầu về hóa học hữu cơ, Công thức phân tử hợp chất hữu cơ | **Nhận biết:**  − Khái niệm hoá học hữu cơ và hợp chất hữu cơ, đặc điểm chung của các hợp chất hữu cơ.  − Phân loại hợp chất hữu cơ theo thành phần nguyên tố (hiđrocacbon và dẫn xuất). | **1** |  | **1** |
| ANKAN | **Nhận biết:**  − Định nghĩa hiđrocacbon, hiđrocacbon no và đặc điểm cấu tạo phân tử của chúng.  − Công thức chung, đồng phân mạch cacbon, đặc điểm cấu tạo phân tử.  - Danh pháp một số ankan đầu dãy đồng đẳng.  - Tính chất vật lí, hóa học đặc trưng  **Thông hiểu:**  − Tính chất vật lí chung (quy luật biến đổi về trạng thái, nhiệt độ nóng chảy, nhiệt độ sôi, khối lượng riêng, tính tan).  − Tính chất hoá học (phản ứng thế, phản ứng cháy, phản ứng tách hiđro, phản ứng crăckinh).  - Tính toán lượng chất thông qua phản ứng quen thuộc.  − Phương pháp điều chế metan trong phòng thí nghiệm và khai thác các ankan trong công nghiệp. ứng dụng của ankan.  − Xác định công thức phân tử, công thức cấu tạo và gọi tên của một số ankan đầu dãy đồng đẳng. | **1** | **1** | **2** |
|  | Hiđrocacbon không no | ANKEN | **Nhận biết:**  − Công thức chung, đặc điểm cấu tạo phân tử, đồng phân cấu tạo.  − Cách gọi tên thông thường và tên thay thế của một số anken quen thuộc.  − Tính chất vật lí chung (nhiệt độ nóng chảy, nhiệt độ sôi, khối lượng riêng, tính tan) của anken.  − Tính chất hoá học: Phản ứng cộng brom trong dung dịch, cộng hiđro, cộng HX; phản ứng trùng hợp; phản ứng oxi hoá.  **Thông hiểu:**  − Tính chất vật lí chung (quy luật biến đổi về nhiệt độ nóng chảy, nhiệt độ sôi, khối lượng riêng, tính tan) của anken.  − Phương pháp điều chế anken trong phòng thí nghiệm và trong công nghiệp. ứng dụng.  − Phương trình hoá học của một số phản ứng cộng, phản ứng trùng hợp cụ thể.  - Tính toán lượng chất thông qua phản ứng quen thuộc  − Quan sát thí nghiệm, mô hình rút ra được nhận xét về đặc điểm cấu tạo và tính chất. | **1** | **1** | **2** |
| **2** | ANKAĐIEN  - ANKIN | **Nhận biết:**  − Định nghĩa, công thức chung, đặc điểm cấu tạo của ankađien.  − Đặc điểm cấu tạo của buta-1,3-đien và isopren.  − Định nghĩa, công thức chung, đặc điểm cấu tạo, đồng phân, danh pháp, tính chất vật lí của ankin.  - Tính chất hóa học của ankin.  **Thông hiểu:**  - Tính chất vật lí (quy luật biến đổi về trạng thái, nhiệt độ nóng chảy, nhiệt độ sôi, khối lượng riêng, tính tan) của ankin  - Tính chất hoá học của ankađien liên hợp (buta-1,3-đien và isopren : phản ứng cộng 1, 2 và cộng 1, 4).  - Điều chế buta-1,3-đien từ butan hoặc butilen và isopren từ isopentan.  − Tính chất hoá học của ankin : Phản ứng cộng H2, Br2, HX ; Phản ứng thế nguyên tử H linh động của ank-1-in ; phản ứng oxi hoá).  - Tính toán lượng chất thông qua phản ứng quen thuộc.  - Điều chế axetilen trong phòng thí nghiệm và trong công nghiệp. | **1** | **1** | **2** |
| **3** | Benzen và đồng đẳng | BENZEN VÀ ĐỒNG ĐẲNG | **Nhận biết:**  − Định nghĩa, công thức chung.  - Đặc điểm cấu tạo, đồng phân, danh pháp.  − Tính chất vật lí :nhiệt độ nóng chảy, nhiệt độ sôi của các chất trong dãy đồng đẳng benzen.  **Thông hiểu:**  − Công thức phân tử, viết công thức cấu tạo và gọi tên.  − Tính chất vật lí : Quy luật biến đổi nhiệt độ nóng chảy, nhiệt độ sôi của các chất trong dãy đồng đẳng benzen  − Tính chất hoá học : Phản ứng thế (quy tắc thế), phản ứng cộng vào vòng benzen ; Phản ứng thế và oxi hoá mạch nhánh.  - Tính toán lượng chất thông qua phản ứng quen thuộc | **2** | **1** | **3** |
|  |  |  |  |
| **4** | Ancol -phenol | ANCOL | **Nhận biết**:  − Định nghĩa, phân loại ancol.  − Công thức chung, đặc điểm cấu tạo phân tử, đồng phân, danh pháp (gốc − chức và thay thế).  − Tính chất hoá học : Phản ứng của nhóm −OH (thế H, thế −OH), phản ứng tách nước tạo thành anken hoặc ete, phản ứng oxi hoá ancol bậc I, bậc II thành anđehit, xeton ; Phản ứng cháy.  − ứng dụng của etanol.  **Thông hiểu:**  - Danh pháp (gốc − chức và thay thế).  − Tính chất vật lí : Qui luật biến đổi nhiệt độ sôi, độ tan trong nước ; Liên kết hiđro.  − Tính chất hoá học : Phản ứng của nhóm −OH (thế H, thế −OH), phản ứng tách nước tạo thành anken hoặc ete, phản ứng oxi hoá ancol bậc I, bậc II thành anđehit, xeton ; Phản ứng cháy  - Tính toán lượng chất theo phản ứng quen thuộc. | **5** | **4** | **9** |
| PHENOL | **Nhận biết:**  − Khái niệm,  − Tính chất vật lí : Trạng thái, tính tan.  − Tính chất hoá học: tác dụng với natri, natri hiđroxit, nước brom.  **Thông hiểu:**  − Phân biệt dung dịch phenol với ancol cụ thể bằng phản ứng hoá học.  − Ảnh hưởng qua lại giữa các nguyên tử trong phân tử hợp chất hữu cơ.  − Tính chất hoá học: tác dụng với natri, natri hiđroxit, nước brom.  - Tính toán lượng chất thông qua phản ứng quen thuộc. | **3** | **2** | **5** |
| **5** |  | ANĐÊHIT | **Nhận biết:**  − Định nghĩa, phân loại  - Danh pháp của một số anđehit đơn giản.  − Đặc điểm cấu tạo phân tử của anđehit.  - Ứng dụng của HCHO  **Thông hiểu:**  − Tính chất hoá học của anđehit no đơn chức (đại diện là anđehit axetic) : Tính khử (tác dụng với dung dịch bạc nitrat trong amoniac), tính oxi hoá (tác dụng với hiđro).  - Tính toán lượng chất theo phản ứng quen thuộc  − Phư­ơng pháp điều chế anđehit từ ancol bậc I, điều chế trực tiếp anđehit fomic từ metan, anđehit axetic từ etilen. Một số ứng dụng chính của anđehit. | **2** | **2** | **4** |
| **Tổng số câu** | | |  | 16 | 12 | 28 |

1. **Phần tự luận: *(3 điểm: 2 điểm dễ - 1 điểm khó)***

**Câu 29.** ***(1 điểm)*** Viết 4 phản ứng, cho rõ công thức cấu tạo chất tham gia:

1. CH2=CH2 + Br2 c) CH3-CH=O + AgNO3 + NH3 + H2O
2. Phenol (C6H5OH) + NaOH hoặc KOH d) CH3-CH2OH + CuO

**Câu 30. *(1 điểm)*** Cho 1 ancol đơn chức (rõ công thức) tác dụng với Na hoặc K. Định lượng 1 trong 4 chất có trong phản ứng qua một bước đơn giản

**Câu 31 - 32.** ***(1 điểm)*** Có thể ra 1 bài (2 ý nhỏ) hoặc 2 bài nhỏ, chú trọng tư duy hoá học, phát triển năng lực, không yêu cầu tính toán quá phức tạp.